

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16/5/2022.

V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trịnh Đoàn Hạnh Trang**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Ngọc Sơn**

Bà Nguyễn Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phan Trọng Thắng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông **Mai Trường Trinh** – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị N**, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Thôn P, xã A, thành phố T, tỉnh P.

- Bị đơn: Anh **Phạm Thông Thái N**, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh L.

(Tại phiên tòa chị N có mặt, anh N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ly hôn và bản tự khai nguyên đơn chị **Trần Thị N** trình bày: Chị **Trần Thị N** và anh **Phạm Thông Thái N** xây dựng gia đình với

nhau vào năm 2019, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đình Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 30/9/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không có hạnh phúc do vợ chồng không hợp nhau và đã tự sống ly thân từ tháng 4 năm 2020 đến nay. Trong thời gian này chị N và anh N không liên lạc gì với nhau và đến nay cũng không còn tình cảm nên chị N yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Chị Trần Thị N và anh Phạm Thông Thái N có một con chung là Phạm Nguyên Khôi, sinh ngày 06/6/2020. Từ khi vợ chồng không sống với nhau thì chị N nuôi con nên khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị N xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra chị N không còn yêu cầu gì khác.

2. *Bị đơn anh Phạm Thông Thái N*: Đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh N vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh N vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án triển khai đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn, yêu cầu được nuôi con chung. Ngoài ra, chị N không còn yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị N, giao con cho chị N có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Các vấn đề khác không đặt ra để xem xét giải quyết. Buộc chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa, anh Phạm Thông Thái N vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh N là phù hợp.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị N và anh Phạm Thông Thái N xây dựng gia đình với nhau vào năm 2019, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đình Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 30/9/2019 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Tại phiên tòa, chị N xác định vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm và đã sống ly thân từ tháng 4/2020 đến nay nên chị N giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Còn anh N vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án. Tuy nhiên, Tòa án có tiến hành làm việc với gia đình anh N thì được biết quá trình chung sống anh N và chị N thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị không tin tưởng nhau trong quan hệ tình cảm, gia đình đã động viên hòa giải rất nhiều nhưng anh chị cũng không thể hàn gắn, đến nay mâu thuẫn đã quá trầm trọng và đã tự sống ly thân nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho anh N, chị N. Xét thấy, chị N và anh N phát sinh mâu thuẫn đã lâu và anh chị đã sống ly thân trong thời gian dài, mặc dù được gia đình động viên hòa giải nhưng anh chị cũng không cải thiện được quan hệ tình cảm, quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã tạo điều kiện để các bên đương sự tham gia hòa giải nhưng anh N đều vắng mặt chứng tỏ anh N cũng không có thiện chí để cải thiện quan hệ vợ chồng. Vì vậy, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị N, xử cho chị N và anh N được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3] *Về con chung:* Chị Trần Thị N và anh Phạm Thông Thái N có một con chung là Phạm Nguyên Khôi, sinh ngày 06/6/2020. Khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, con chung của anh chị hiện nay chưa đủ 36 tháng tuổi nên cần sự chăm sóc, gần gũi của mẹ nhiều hơn. Bản thân anh N không có ý kiến trình bày về vấn đề con chung nhưng gia đình anh N cũng xác nhận hiện nay anh N không có nơi cư trú ổn định và từ khi anh chị không sống với nhau thì chị N là người

trực tiếp nuôi con nên đề nghị Tòa án giao con cho chị N nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng con được tốt cần tiếp tục giao con cho chị N có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Nếu sau này anh N có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con thì sẽ được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị N không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị N xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh N không có ý kiến trình bày. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết. Nếu sau này các bên phát sinh tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có đủ chứng cứ chứng minh.

[6] Về án phí: Buộc chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 2 Điều 227 và Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trần Thị N, xử cho chị Trần Thị N và anh Phạm Thông Thái N được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con là Phạm Nguyên Khôi, sinh ngày 06/6/2020 cho chị Trần Thị N có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Phạm Thông Thái N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Trần Thị N đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số 0003039 ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Chị Trần Thị N đã nộp đủ án phí.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/5/2022) chị Trần Thị N có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo. Riêng anh Phạm Thông Thái N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu AV – HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trịnh Đoàn Hạnh Trang